

DANH SÁCH ĐIỂM KỸ NĂNG MỀM
ĐỢT 01 - NĂM 2025

Stt	MSSV	Họ	tên SV	Ngày sinh	KN1 Kỹ năng ra quyết định và xử lý vấn đề	KN2 Kỹ năng chuẩn bị CV và trả lời phỏng vấn	KN3 Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	KN4 Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	ĐTB	Kết quả	Ghi chú
1	3016170008	Nguyễn Thái Dân	An	14/11/2004	8.0	8.0	8.0	8.0	8.00	Đậu	
2	3015170022	Lê Trần Hải	Anh	04/03/2004	8.5	9.0	8.5	8.0	8.50	Đậu	
3	3015170008	Lại Xuân	Đăng	13/03/1995	8.0	6.0	8.0	8.0	7.50	Đậu	
4	3015170014	Nguyễn Trần Tấn	Đạt	22/06/2004	8.5	8.0	8.0	8.0	8.13	Đậu	
5	3015170011	Trần Văn	Đạt	05/11/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	Rớt	
6	3015170007	Đặng Phương	Duy	06/02/2004	8.0	7.0	8.0	7.0	7.50	Đậu	
7	3016070006	Trần Anh Thái	Duy	28/06/2005	9.0	7.0	8.0	8.0	8.00	Đậu	
8	3011170061	Đoàn Quốc	Khánh	02/09/1999	9.0	9.0	8.0	8.0	8.50	Đậu	
9	3015170004	Huỳnh Lê Trung	Kiên	09/07/2003	8.0	8.0	8.0	8.0	8.00	Đậu	
10	3013140011	Nguyễn Công	Luận	07/04/1996	8.0	8.0	8.0	8.0	8.00	Đậu	
11	3015170018	Võ Nguyễn Phi	Năng	04/03/2004	8.5	8.0	8.0	8.0	8.13	Đậu	
12	3015170002	Nguyễn Thập	Nhất	30/12/2003	8.0	8.0	8.0	7.0	7.75	Đậu	
13	3016070007	Hồ Trọng	Phúc	25/06/2005	8.5	9.0	8.0	8.0	8.38	Đậu	
14	3015170017	Nguyễn Đỗ Thiên	Phước	19/08/2003	8.0	7.0	8.0	8.0	7.75	Đậu	
15	3016170002	Đinh Trần Quyết	Thắng	13/03/2005	8.0	8.0	8.0	8.0	8.00	Đậu	
16	3016070013	Huỳnh Văn	Thanh	01/08/2004	8.5	9.0	8.0	8.0	8.38	Đậu	
17	3012170100	Lê Công	Sự	02/10/2001			0.0	0.0	0.00	Rớt	
18	3012030013	Trần	Soo	21/10/2001				8.0	2.00	Rớt	

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 7 năm 2025
Phòng Đào tạo